LỒNG RUỘT Ở TRẺ EM

1. Lồng ruột cấp tính ở trẻ em còn bú hay gặp ở mùa xuân? Đ
2. Trẻ lồng ruột đến muộn có viêm phúc mạc:
3. Bơm tháo lồng
4. Mổ tháo lồng
5. Mổ cắt đoạn ruột Đ
6. Điều trị nội
7. Lông ruột trẻ em đến sớm Đ/S:
8. Sờ thấy khối lồng HCP Đ
9. Ấn đau mạn sườn phải S
10. Bí trung đại tiện S
11. Dấu hiệu rắn bò S
12. Lồng ruột ở trẻ em: Đ/S
13. Hay gặp ở trẻ nam nhiều hơn nữ Đ
14. Thường gặp ở trẻ hơn 24 tháng tuổi S
15. Thường gặp ở trẻ bú mẹ, khỏe mạnh, ít gặp ở trẻ SDD Đ
16. Đa số là lồng ruột tự phát không rõ nguyên nhân Đ
17. Lồng ruột thực thể hay gặp ở trẻ lớn, hay gặp là viêm túi thừa Merkel
18. Nguyên nhân gây lồng ruột ở trẻ em là: Đ/S
19. Thần kinh thể dịch S
20. Virus vi khuẩn Đ
21. Yếu tố giải phẫu Đ
22. Adenovirus Đ
23. Khối lồng đơn giản gồm mấy lớp:
24. **3**
25. 4
26. 5
27. 6
28. Lồng ruột cấp: Đ/S
29. Chiều lồng chỉ có thể là chiều nhu động S
30. Cổ khối lồng là điểm mút của ống vỏ ngoài và vỏ giữa S
31. Đầu khối lồng là mút giữa ống vỏ ngoài và vỏ giữa Đ
32. Khối lồng khi tháo ra không thể hồng lại S
33. Lồng ruột cấp ở trẻ em: Đ/S
34. Trẻ càng nhỏ, dấu hiệu ỉa máu càng lớn Đ
35. Ỉa máu càng sớm thì khối lồng càng dễ tháo S
36. Đau bụng cơn, trẻ nôn ra dịch mật ở giai đoạn sớm S
37. Nắn bụng thường cứng, đau ở giai đoạn sớm S
38. Hình ảnh khối lồng trên X quang có cản quang: Đ/S
39. Hình đáy chén Đ
40. Hình mỏ chim S
41. Hình càng cua Đ
42. Hình móc câu Đ
43. Hình khuyết S
44. Hình ảnh khối lồng trên Siêu âm: Đ/S
45. Hình bia bắn Đ
46. Hình bánh Sanwich Đ
47. Hình vòng bia Đ
48. Hình tổ ong S
49. Khối lồng thường chặt khi trên siêu âm có:
50. Đường kính >35mm
51. Chiều dày thành ruột > 8mm
52. Có dịch trong khối lồng và dịch tự do trong ổ bụng
53. **Cả 3 đều đúng**
54. Chỉ định tháo lồng bằng hơi: Đ/S
55. Đến sớm hơn 24h S
56. Trẻ > 24 tuần S
57. Không có viêm phúc mạc Đ
58. Không có tắc ruột Đ
59. Áp lực bơm tháo lồng:
60. <100mmHg Đ
61. <200mmHg
62. <150mmHg
63. >100mmHg
64. Chỉ định phẫu thuật tháo lồng: Đ/S
65. Đến muộn >48h Đ
66. Viêm phúc mạc Đ
67. Trẻ em <24 tháng S
68. Lồng ruột mạn tính ở trẻ lớn Đ
69. Biến chứng sau mổ lồng ruột cấp: Đ/S
70. Viêm phúc mạc Đ
71. Tắc ruột Đ
72. Chảy máu ổ bụng Đ
73. Nhiễm trùng vết mổ Đ
74. Hẹp hậu môn S
75. Mất tự chủ S
76. Dấu hiệu tháo lồng thành công, TRỪ:
77. Trẻ hết nôn bú trở lại
78. Phân về bình thường sau 48h Đ 8H
79. Áp lực máy tháo tụt dưới 8-10mmHg
80. Hết khóc cơn